

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2020/HS-ST
Ngày 28-4-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Mạnh Huân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hạng A Sáng và ông Thùng Văn Liên

- Thư ký phiên toà: Ông Lò Văn Hương, Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện VKSND huyện N, tỉnh Điện Biên tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Tiến Khôi, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên.

Trong ngày 28 tháng 4 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 15/2020/TLST-HS ngày 09 tháng 4 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2020/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 4 năm 2020 đối với bị cáo:

1. Vừ A S, sinh năm 1985 tại huyện S, tỉnh Sơn La.

Tên gọi khác: Không.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Bản N 2, xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên.

Nghề nghiệp: Làm nương; Trình độ học vấn: Lớp 1/12.

Dân tộc: Mông; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông: Vừ A D, đã chết; Con bà: Vả Thị M, sinh năm 1965

Bị cáo có vợ Giàng Thị V, sinh năm 1986 và 03 con, con lớn nhất sinh năm 2004, con nhỏ nhất sinh năm 2016. Giàng Thị V là bị cáo trong cùng vụ án.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Bị cáo không có án tích, không bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 09/10/2019, tạm giam ngày 17/10/2019, có mặt.

2. Giàng Thị V, sinh năm 1986 tại huyện M, tỉnh Điện Biên.

Tên gọi khác: Không.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Bản N 2, xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên.

Nghề nghiệp: Làm nương; Trình độ học vấn: Không biết chữ.

Dân tộc: Mông; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông: Giàng Vả C, sinh năm 1963; Con bà: Vàng Thị I, sinh năm 1964.

Bị cáo có chồng Vừ A S, sinh năm 1985 và 03 con, con lớn nhất sinh năm 2004, con nhỏ nhất sinh năm 2016. Vừ A S là bị cáo trong cùng vụ án.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Bị cáo không có án tích, không bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 09/10/2019, tạm giam ngày 17/10/2019, có mặt.

*** Người bào chữa cho bị cáo Vừ A S:** Ông Phùng Việt H, Luật sư của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên, có mặt.

*** Người bào chữa cho bị cáo Giàng Thị V:** Ông Bùi Đình M, Luật sư của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên, có mặt.

*** Người phiên dịch cho bị cáo Giàng Thị V:** Vàng A P, sinh năm 1990, địa chỉ bản C, xã S, huyện N, tỉnh Điện Biên, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ 00 phút ngày 08 tháng 10 năm 2019, Vừ A S điều khiển xe mô tô không biển kiểm soát chở vợ là Giàng Thị V đi mua ma túy về sử dụng. Hai vợ chồng đi từ nhà ở bản N 2, xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên mang theo 2.400.000 đồng đi theo Quốc lộ 4H đến khu vực huyện N, tỉnh Điện Biên. Khi đến KM 45 thuộc địa phận xã P, huyện N, tỉnh Điện Biên thì hai vợ chồng đi theo đường vào Trung tâm xã Nà Hỳ, huyện N. Qua bản Đ, xã Ph khoảng 300 mét thì S bảo V đứng chờ, còn bị cáo đi theo đường mòn về hướng biên giới Việt Nam - Lào. Trên đường đi, bị cáo gặp, giao dịch và mua được 2.300.000 đồng Heroine của một người tên L bị cáo không biết lai lịch. Mua được Heroine, bị cáo lấy ra một ít sử dụng bằng hình thức hít rồi cất số Heroine còn lại vào chiếc túi vải và đi về. Khi về đến chỗ Giàng Thị V ngồi đợi S đưa túi vải có chứa Heroine cho V cất rồi lấy xe mô tô chở V đi về. Hồi 05 giờ ngày 09/10/2019, hai vợ chồng bị cáo Vừ A S, Giàng Thị V đi đến KM 96 + 700 Quốc lộ 4H thuộc địa phận xã P, huyện N, tỉnh Điện Biên thì bị tổ công tác Công an huyện N phát hiện bắt quả tang, thu giữ vật chứng.

Cáo trạng số 15/CT-VKSNP ngày 08/4/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N truy tố các bị cáo Vừ A S và Giàng Thị V về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo điểm g khoản 2 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

Luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 249; Điều 38, Điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Tuyên phạt bị cáo Vừ A S từ 6 năm 6 tháng đến 7 năm tù và Giàng Thị V từ 6 năm đến 6 năm 6 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 1, điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự về xử lý vật chứng của vụ án.

Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Miễn án phí HSST cho bị cáo.

Tại phiên tòa, Luật sư bào chữa cho các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm g khoản 2 Điều 249 và tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt các bị cáo mức án thấp nhất theo đề nghị của Kiểm sát viên. Đề nghị miễn hình phạt bổ sung và miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Các bị cáo nhất trí với bản cáo trạng, bản luận tội của Viện Kiểm sát nhân dân huyện N và luận cứ bào chữa của các Luật sư.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về chứng cứ phạm tội:

Biên bản bắt người phạm tội quả tang hồi 06 giờ 00 phút ngày 09/10/2019 bút lục 01, 02 chứng minh các bị cáo Vừ A S và Giàng Thị V bị bắt khi đang tàng trữ trái phép chất ma túy. Tổ công tác Công an huyện N, tỉnh Điện Biên tạm giữ của các bị cáo 01 gói ni lông màu trắng, mở bên trong chứa chất bột dạng nén màu trắng đục nghi là Heroine. Tổ công tác còn thu giữ thêm các vật chứng là điện thoại, xe mô tô và một túi vải màu đen đựng gói Heroine.

Tại biên bản mở niêm phong xác định khối lượng, lấy mẫu giám định và niêm phong vật chứng hồi 08 giờ 45 phút ngày 10/10/2019 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N bút lục số 26, 27 thì khối lượng vật chứng thu giữ khi bắt quả tang các bị cáo Vừ A S và Giàng Thị V là 14,58 gam Heroine, trích mẫu gửi giám định 0,58 gam.

Kết luận giám định số 967/GĐ-PC09 ngày 16/10/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên bút lục số 30 kết luận mẫu chất bột màu trắng trích ra từ vật chứng thu giữ của Vừ A S và Giàng Thị V gửi giám định là chất ma túy loại

Heroine. Heroine nằm trong danh mục các chất ma túy, STT: 9, mục IA danh mục I Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ. Không hoàn lại đối tượng giám định.

Kết quả tranh tụng tại phiên tòa cho thấy các bị cáo Vừ A S và Giàng Thị V có tội. Các bị cáo đã đi mua Heroine mang về nhà tàng trữ để sử dụng cho bản thân. Chứng cứ xác định các bị cáo đã phạm vào tội Tàng trữ trái phép chất ma túy được quy định tại Điều 249 của Bộ luật hình sự. Hành vi của bị cáo được thực hiện bằng lỗi cố ý trực tiếp và đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy, làm mất trật tự trị an, an toàn xã hội. Viện kiểm sát nhân dân huyện N truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Vừ A S và Giàng Thị V có đầy đủ năng lực để chịu trách nhiệm hình sự về hành vi của mình.

[2] Về tính chất mức độ phạm tội:

Khối lượng ma túy bị thu giữ của Vừ A S và Giàng Thị V là 14,58 gam Heroine. Khối lượng ma túy mà bị cáo tàng trữ ở trong khoảng từ 05 gam đến dưới 30 gam. Bị cáo Vừ A S là người khởi xướng ra việc mua ma túy và tàng trữ để sử dụng do vậy vai trò của bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự cao hơn so với Giàng Thị V. Bị cáo V là người giúp sức cho bị cáo S trong việc cầm gói ma túy bị cáo S đưa cho. Bị cáo biết được mục đích Vừ A S đi mua ma túy và đi cùng để trông xe cho S đi bộ vào khu vực biên giới tìm mua ma túy. Với loạt hành vi gắn liền ý thức chủ quan của bị cáo Giàng Thị V thì bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự cùng với bị cáo S của khối lượng ma túy bị thu giữ. Tính chất mức độ phạm tội của các bị cáo là rất nghiêm trọng và các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về tội tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 249 của Bộ luật hình sự có khung hình phạt từ 5 năm đến 10 năm tù.

[3] Về nhân thân của các bị cáo: Cả hai bị cáo là vợ chồng trong gia đình, bị cáo Vừ A S nhiều năm nghiện ma túy. Bị cáo không nhận ra tác hại và quyết tâm từ bỏ ma túy, trái lại bị cáo còn rủ rê vợ bị cáo đi mua ma túy cùng bị cáo. Giàng Thị V là người vợ trong gia đình, vì thương chồng mà bị cáo phạm tội. Nhận định trên đây là nguyên nhân chính mà các bị cáo phải nhận một bản án không đáng có.

[4] Về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Đối chiếu các quy định tại khoản 1 của Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 thì các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình. Đây là cơ sở để chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Luật sư bào chữa cho các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm g khoản 2 Điều 249 và tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt các bị cáo mức án thấp nhất theo đề nghị của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử xem xét và quyết định.

Hội đồng xét xử xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khi quyết định hình phạt cho các bị cáo nhưng vẫn phải nghiêm khắc cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để bị cáo cải tạo thành người có ích cho gia đình và xã hội.

[6] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[7] Về hình phạt bổ sung:

Theo khoản 5 Điều 249 Bộ luật hình sự quy định các bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Xét điều kiện hoàn cảnh của các bị cáo khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương, tài sản trong gia đình không có gì giá trị, các bị cáo không giữ chức vụ gì trong xã hội, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với Vũ A S và Giảng Thị V.

[8] Về vật chứng:

Vật chứng của vụ án là 14,58 gam Heroine, trích mẫu gửi giám định 0,58 gam không hoàn lại đối tượng giám định. Vật chứng là 01 túi vải đen có dây đeo, hai ngăn có khóa kéo các bị cáo dùng để đựng Heroine. Vật chứng này tịch thu tiêu hủy theo điểm a, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 1, điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Vật chứng là chiếc điện thoại di động bàn phím nhãn hiệu "itel" đã qua sử dụng là phương tiện bị cáo S liên lạc để mua ma túy. Vật chứng này tịch thu sung quỹ Nhà nước theo điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Vật chứng là một chiếc xe mô tô không biển kiểm soát nhãn hiệu HONDA màu đỏ đen. Số khung RLHJC4320BY090268, số máy JC43E6002116 là phương tiện các bị cáo sử dụng thực hiện hành vi phạm tội. Vật chứng này tịch thu sung quỹ Nhà nước theo điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Vật chứng là một giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy và một biển số đăng ký 27S1 - 085.69. Vật chứng này Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N chứng minh là đăng ký xe mô tô và biển số xe mô tô của Vũ A S do vậy tịch thu sung quỹ Nhà nước cùng với chiếc xe mô tô nêu trên.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ do vậy Hội đồng xét xử xem xét miễn án phí HSST cho bị cáo theo quy định tại Điều 136/BLTTHS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[10] Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự, các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

[11] Các vấn đề khác:

Nguồn gốc số ma túy bị thu giữ bị cáo khai mua của một đàn ông tên L bị cáo không rõ lai lịch ở khu vực đường mòn đi biên giới Việt Nam - Lào. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N không có đủ cơ sở để làm rõ đối tượng. Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 249; Điều 38; Điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

1. Tuyên bố: Các bị cáo **Vừ A S** và **Giàng Thị V** đều phạm tội "**Tàng trữ trái phép chất ma túy**".

2. Hình phạt:

- Xử phạt bị cáo **Vừ A S 06** (sáu) năm **09** (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, ngày 09/10/2019.

- Xử phạt bị cáo **Giàng Thị V 06** (sáu) năm **03** (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, ngày 09/10/2019.

3. Xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 1, điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy 14,58 gam Heroine, trích mẫu gửi giám định 0,58 gam không hoàn lại đối tượng giám định, vật chứng còn lại 14 gam cùng toàn bộ phần giấy nilon màu trắng, phong bì niêm phong cũ của Công an huyện N và một túi vải có dây đeo, hai ngăn khóa kéo, bắt ngày 09/10/2019. Vật chứng được đựng trong 01 phong bì niêm phong của Công an huyện N có đặc điểm như biên bản giao, nhận vật chứng hồi 16 giờ 00 phút ngày 08/4/2020 giữa Công an huyện N và Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước một điện thoại di động bàn phím nhấn hiệu "itel" đã qua sử dụng.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 xe máy kèm theo một giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy và một biển số đăng ký 27S1 - 085.69 mang tên Vừ A S địa chỉ bản N 2, xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên.

(Điện thoại, xe máy, giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, biển số có đặc điểm như biên bản giao, nhận vật chứng hồi 16 giờ 00 phút ngày 08/4/2020 giữa Công an huyện N và Chi cục Thi hành án dân sự huyện N).

4. Án phí: Áp dụng Điều 136/BLTTHS; Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH khóa XIV về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Miễn án phí HSST cho các bị cáo.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự, các bị cáo Vừ A S và Giàng Thị V được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 28/4/2020.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- Phòng HSNV Công an tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện N;
- Nhà tạm giữ Công an huyện N;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện N;
- Công an huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Các bị cáo, Luật sư bào chữa;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Mạnh Huân